TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Anh

2. Bà Đặng Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị Thu T – Sinh năm: 1979*

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện D, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: *Anh Lâm Thành P – Sinh năm: 1978*

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T tại phiên tòa như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Thành P có thời gian tìm hiểu nhau gần 02 năm, đến năm 2002 cả hai tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện D, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống với nhau hạnh phúc được 10 năm, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn nhưng vì con còn nhỏ nên chị đã cố gắng tiếp tục sống chung với anh P. Tuy Nên, trong quá trình sống chung, anh P không chăm lo cho gia đình, chỉ lo cho bản thân, vợ chồng sống không có sự tin tưởng với nhau nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh P bỏ đi làm ăn xa hơn 18 tháng nay không về nhà, một mình chị phải chăm sóc, nuôi hai con ăn học. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh P không có trách Nệm với gia đình, nên Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung: Lâm Yến N - sinh năm 2003 đã trưởng thành và Lâm Nguyễn Thành H – sinh ngày 21/11/2012. Sau khi ly hôn Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con Lâm Nguyễn Thành H, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lâm Thành P để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P không đến Tòa để làm việc. Tại phiên tòa hôm nay anh P tiếp tục vắng mặt.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Riêng bị đơn anh Lâm Thành P không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T.

- Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung: Lâm Yến N – sinh năm 2003 đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự và cháu Lâm Nguyễn Thành H – sinh ngày 21/11/2012.

Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu Lâm Nguyễn Thành H - sinh ngày 21/11/2012 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng nuôi con chung Chị T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lâm Thành P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn". Anh Lâm Thành P có địa chỉ tại thôn 2, xã L, huyện D, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án thực hiện đầy đủ việc tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P có thời gian tìm hiểu với nhau khoảng 02 năm, đến năm 2002 thì anh chị tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện D, tỉnh Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 23/10/2002. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa Chị T và anh P hạnh phúc đến năm 2012, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị T trình bày là do anh P không chăm lo cho gia đình, chỉ lo cho bản thân, vợ chồng sống không có sự tin tưởng với nhau trong cuộc sống. Đến cuối năm 2021 P bỏ đi làm ăn xa đến nay không về, để một mình Chị T phải chăm sóc, nuôi hai con ăn học. Hôm nay, Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Quá trình giải quyết vụ án, anh P biết được

việc Chị T làm đơn yêu cầu xin ly hôn do anh P có liên lạc với con gái lớn của vợ chồng. Tuy nhiên, anh P không đến Tòa để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ngày 02/6/2023 Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã L, huyện d. Qua kiểm tra trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và nơi anh P đăng ký hộ khẩu thường trú thì hiện nay anh P vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại thôn 2, xã L, huyện d, tỉnh Phú Yên nhưng anh P không có mặt ở tại địa phương. Hiện nay anh P sinh sống ở đâu, làm gì Công an không rõ vì anh P không thuộc đối tượng theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa chị Trang và anh P có hạnh phúc trong trong 10 năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng không thể nào hòa hợp được, cả hai không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm giữa Chị T và anh P thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T đối với anh P là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung: Lâm Yến N – sinh năm 2003 đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự và cháu Lâm Nguyễn Thành H – sinh ngày 21/11/2012. Sau khi ly hôn Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con Lâm Nguyễn Thành H. Xét thấy, Chị T là người trực tiếp chăm sóc cháu H khi anh P bỏ đi cho đến nay, mặc khác cháu H cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy giao cháu H cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét giải quyết

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí HNGĐ - ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử: **Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lâm Thành P.

[2]. Về con chung: Giao cháu Lâm Nguyễn Thành H - sinh ngày 21/11/2012 cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng chẵn)* án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số 0000849 ngày 23/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lâm Thành P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- UBND xã L;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Long